

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 26-7-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Khắc Quyết;

Bà Lê Thị Mai Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 21-3-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số **10/2019/QĐST-HNGĐ** ngày 10-7-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lộc Thị T, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng Q, nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lộc Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 20-4-2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh Q tại tổ dân phố 3, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Mặc dù đã được gia đình tác động, hòa giải, anh

chị cũng đã cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân anh chị không còn gặp gỡ, không liên lạc, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã không chung sống cùng nhau một thời gian dài nên việc quay về đoàn tụ là không thể, vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho chị cũng như anh Q, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07-12-2010. Chị nhận nuôi cháu Tuấn A và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đăng Q vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng như không gửi ý kiến cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Q.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh Q. Về con chung, giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07-12-2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 20-4-2010 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay, chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Q, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn là anh Nguyễn Đăng Q, có nơi cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 10-7-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị T trình bày: Trong quá trình chung sống, chị và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân và cũng đã được gia đình hai bên tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi chị T và anh Q chung sống và xác minh tại gia đình anh Q, xác định được: Mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đúng như chị T đã trình bày, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung, anh Q đã bỏ đi làm ăn và bỏ mặc mẹ con chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Mẹ đẻ anh Q có trình bày, do cuộc sống hôn nhân của chị T và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q.

[5] Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh Q đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị T và anh Q được ly hôn.

[6] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07-12-2010. Chị T nhận nuôi cháu Tuấn A và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị T và anh Q ly thân, cháu Tuấn A ở với chị T; chị T hiện đang làm công nhân tại khu công nghiệp Đồ Sơn, có thu nhập ổn định, có thể đảm bảo được cuộc sống của cháu Tuấn A và thực tế chị T là người nuôi dưỡng cháu Tuấn A từ năm 2014 đến nay; mẹ đẻ anh Q cũng thống nhất đề nghị giao cháu Tuấn A cho chị T nuôi dưỡng; cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A được tốt nhất cần giao cháu Tuấn A cho chị T nuôi dưỡng.

[7] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 07-12-2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét hoặc đến khi chị T và anh Q có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006955 ngày 21-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Quyết      Lê Thị Mai Hương**

**Phạm Hữu Trường**

